

Phụ lục II

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
TỪ CÁC KHOẢN LỆ PHÍ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 932/QĐ-BTP ngày 10/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Chỉ tiêu                                                                                 | Dự toán năm 2025<br>giao tại QĐ<br>2542/QĐ-BTP ngày | Dự toán điều chỉnh |                 |                | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------|-----------------|----------------|---------|
|    |                                                                                          |                                                     | Điều chỉnh giảm    | Điều chỉnh tăng | Tổng cộng      |         |
| A  | B                                                                                        | 1                                                   | 2                  | 3               | 4=2+3          | C       |
| A  | LỆ PHÍ                                                                                   |                                                     |                    |                 |                |         |
| I  | SỐ THU LỆ PHÍ                                                                            | 3.975.000.000                                       | -3.764.500.000     | 0               | -3.764.500.000 |         |
| 1  | Văn phòng Bộ                                                                             | 3.975.000.000                                       | -3.764.500.000     | 0               | -3.764.500.000 |         |
|    | Lệ phí đăng ký nuôi con<br>nuôi nước ngoài                                               | 3.600.000.000                                       | -3.424.500.000     |                 | -3.424.500.000 |         |
|    | Lệ phí cấp, gia hạn giấy<br>phép                                                         | 375.000.000                                         | -340.000.000       |                 | -340.000.000   |         |
| 2  | Cục Hành chính Tư pháp                                                                   | 0                                                   | 0                  | 3.764.500.000   | 3.764.500.000  |         |
|    | Lệ phí đăng ký nuôi con<br>nuôi nước ngoài                                               |                                                     |                    | 3.424.500.000   | 3.424.500.000  |         |
|    | Lệ phí cấp, gia hạn giấy<br>phép                                                         |                                                     |                    | 340.000.000     | 340.000.000    |         |
| II | SỐ NỢP NSNN                                                                              | 3.975.000.000                                       | -3.764.500.000     | 3.764.500.000   | 0              |         |
| 1  | Văn phòng Bộ                                                                             | 3.975.000.000                                       | -3.764.500.000     | 0               | -3.764.500.000 |         |
|    | Lệ phí đăng ký nuôi con<br>nuôi nước ngoài                                               | 3.600.000.000                                       | -3.424.500.000     |                 | -3.424.500.000 |         |
|    | Lệ phí cấp, gia hạn giấy<br>phép                                                         | 375.000.000                                         | -340.000.000       |                 | -340.000.000   |         |
| 2  | Cục Hành chính Tư pháp                                                                   | 0                                                   | 0                  | 3.764.500.000   | 3.764.500.000  |         |
|    | Lệ phí đăng ký nuôi con<br>nuôi nước ngoài                                               |                                                     |                    | 3.424.500.000   | 3.424.500.000  |         |
|    | Lệ phí cấp, gia hạn giấy<br>phép                                                         |                                                     |                    | 340.000.000     | 340.000.000    |         |
| B  | PHÍ                                                                                      |                                                     |                    |                 |                |         |
| I  | SỐ THU PHÍ                                                                               | 1.215.000.000                                       | -1.215.000.000     | 1.215.000.000   | 0              |         |
| 1  | Cục Hỗ trợ Tư pháp                                                                       | 1.215.000.000                                       | -1.215.000.000     | 0               | -1.215.000.000 |         |
|    | Phí thẩm định tiêu chuẩn,<br>điều kiện hành nghề thừa<br>phát lại (nộp ngân sách<br>10%) | 1.215.000.000                                       | -1.215.000.000     |                 | -1.215.000.000 |         |
| 2  | Tổng cục Thi hành án dân<br>sự                                                           | 0                                                   | 0                  | 1.215.000.000   | 1.215.000.000  |         |
|    | Phí thẩm định tiêu chuẩn,<br>điều kiện hành nghề thừa<br>phát lại (nộp ngân sách<br>10%) |                                                     |                    | 1.215.000.000   | 1.215.000.000  |         |
| II | SỐ NỢP NSNN                                                                              | 121.000.000                                         | -121.000.000       | 121.000.000     | 0              |         |
| 1  | Cục Hỗ trợ Tư pháp                                                                       | 121.000.000                                         | -121.000.000       | 0               | -121.000.000   |         |
|    | Phí thẩm định tiêu chuẩn,<br>điều kiện hành nghề thừa<br>phát lại (nộp ngân sách<br>10%) | 121.000.000                                         | -121.000.000       |                 | -121.000.000   |         |

| TT         | Chỉ tiêu                                                                        | Dự toán năm 2025<br>giao tại QĐ<br>2542/QĐ-BTP ngày | Dự toán điều chỉnh    |                      |                | Ghi chú |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------|---------|
|            |                                                                                 |                                                     | Điều chỉnh giảm       | Điều chỉnh tăng      | Tổng cộng      |         |
| A          | B                                                                               | 1                                                   | 2                     | 3                    | 4=2+3          | C       |
| 2          | Tổng cục Thi hành án dân sự                                                     | 0                                                   | 0                     | 121.000.000          | 121.000.000    |         |
|            | Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thừa phát lại (nộp ngân sách 10%) |                                                     |                       | 121.000.000          | 121.000.000    |         |
| <b>III</b> | <b>SỐ THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI</b>                                                       | <b>1.094.000.000</b>                                | <b>-1.094.000.000</b> | <b>1.094.000.000</b> | <b>0</b>       |         |
| 1          | Cục Hỗ trợ Tư pháp                                                              | 1.094.000.000                                       | -1.094.000.000        | 0                    | -1.094.000.000 |         |
|            | Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thừa phát lại (nộp ngân sách 10%) | 1.094.000.000                                       | -1.094.000.000        |                      | -1.094.000.000 |         |
| 2          | Tổng cục Thi hành án dân sự                                                     | 0                                                   | 0                     | 1.094.000.000        | 1.094.000.000  |         |
|            | Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thừa phát lại (nộp ngân sách 10%) |                                                     |                       | 1.094.000.000        | 1.094.000.000  |         |